

BÁO CÁO

Thực trạng và công tác xã hội hóa về kiên cố hóa trường, lớp học, nhà công vụ cho giáo viên giai đoạn 2013 - 2023

Thực hiện Công văn số 897/SGDDĐT-KHTC ngày 02/5/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum về việc phối hợp báo cáo phục vụ Hội nghị Tổng kết công tác xã hội hóa về kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên giai đoạn 2013 -2023, nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới.

Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei báo cáo công tác thực trạng và công tác xã hội hóa về kiên cố hóa trường, lớp học, nhà công vụ cho giáo viên giai đoạn 2013 – 2023, cụ thể như sau:

A. KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG TRƯỜNG LỚP HỌC VÀ NHÀ CÔNG VỤ CHO GIÁO VIÊN GIAI ĐOẠN 2013 – 2023

1. Thực trạng trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên năm 2013:

Năm 2013, cả huyện có 511 phòng học các cấp mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trong đó số phòng học kiên cố có 414 phòng, đạt tỷ lệ kiên cố là 81,0%, cụ thể:

- Cấp học mầm non: có 12 trường với 137 phòng chăm sóc, nuôi dạy trẻ, trong đó số phòng học kiên cố có 87 phòng, tỷ lệ kiên cố hóa là 63,5%; số trẻ em là 2901 trẻ em. Số phòng công vụ cho giáo viên là 13 phòng với tỷ lệ kiên cố hóa là 100%.

- Cấp học tiểu học: có 13 trường với 257 phòng học, trong đó số phòng học kiên cố có 214 phòng, tỷ lệ kiên cố hóa là 83,3%; số học sinh là 4790 học sinh. Số phòng công vụ cho giáo viên là 72 phòng với tỷ lệ kiên cố hóa là 100%.

- Cấp học trung học cơ sở: có 12 trường với 117 phòng học, trong đó số phòng học kiên cố có 113 phòng, tỷ lệ kiên cố hóa là 96,6%; số học sinh là 2950 học sinh. Số phòng công vụ cho giáo viên là 60 phòng với tỷ lệ kiên cố hóa là 100%.

2. Thực trạng trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên năm 2023:

Năm 2023, cả huyện có 31 trường với 556 phòng học các cấp mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trong đó số phòng học kiên cố hóa có 535 phòng, đạt tỷ lệ kiên cố là 96,2%, cụ thể:

- Cấp học mầm non: có 164 phòng chăm sóc, nuôi dạy trẻ, số phòng học kiên cố hóa có 158 phòng, tỷ lệ kiên cố hóa là 96,3%; số trẻ em là 3930 trẻ em. Số phòng công vụ cho giáo viên là 22 phòng với tỷ lệ kiên cố hóa là 100%.

- Cấp học tiểu học: có với 269 phòng học, số phòng học kiên cố hóa có 256 phòng, tỷ lệ kiên cố hóa là 95,2%; số học sinh là 6226 học sinh. Số phòng công vụ cho giáo viên là 76 phòng với tỷ lệ kiên cố hóa là 100%.

- Cấp học trung học cơ sở: có với 123 phòng học, số phòng học kiên cố hóa có 123 phòng, tỷ lệ kiên cố hóa là 100%; số học sinh là 4189 học sinh. Số phòng công vụ cho giáo viên là 63 phòng với tỷ lệ kiên cố hóa là 100%.

3. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo:

3.1. Các văn bản chỉ đạo của địa phương: Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei

đã ban hành Kế hoạch số 140/KH-UBND ngày 08/6/2021 của UBND huyện Đắk Glei về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn huyện Đắk Glei giai đoạn 2021 – 2025; Kế hoạch số 275/KH-UBND ngày 12/12/2021 về việc thực hiện Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn huyện Đắk Glei giai đoạn 2021-2025.

3.2. Công tác lãnh đạo, tổ chức thực hiện:

- Hàng năm, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tham mưu đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; chỉ đạo UBND các xã, thị trấn quan tâm ưu tiên lồng ghép các nguồn lực thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; sử dụng ngân sách trung ương, địa phương đầu tư cho giáo dục.

- Hàng năm UBND huyện chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp tham mưu công tác vận động tài trợ, viện trợ, liên doanh-liên kết đối với các tổ chức, cá nhân trong việc đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học... đúng trọng tâm, trọng điểm, có hiệu quả.

3.3. Các chương trình, đề án đã triển khai thực hiện: Chương trình số 65-CTr/HU, ngày 12-03-2018 của BCH Đảng bộ Huyện Đắk Glei khóa XVIII thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25-10-2017 của BCH Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Đề xuất nhu cầu chung

4.1. Đề xuất các giải pháp:

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2025. Xây dựng kế hoạch, lộ trình để thu hút các nguồn lực xã hội cho phát triển giáo dục trên địa bàn huyện. Thực hiện có hiệu quả Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia, đồng thời tăng cường kiểm tra giám sát việc thực hiện. Nhất là 03 chương trình: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững giai đoạn 2021-2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

- Tiếp tục tổ chức triển khai có hiệu quả kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. Triển khai thực hiện đúng lộ trình và hiệu quả Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn huyện Đắk Glei giai đoạn 2021-2025.

4.2. Kinh phí huy động từ nguồn xã hội hóa giai đoạn 2013 – 2023:

- Tổng số dự án được cấp phép và hoạt động: 5 dự án.

- Tổng kinh phí đầu tư của các dự án: 5.149 triệu đồng

- Diện tích đất đã bố trí cho các cơ sở giáo dục từ nguồn xã hội hóa: 3725 m².

(Báo cáo chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm).

B. CÔNG TÁC XÃ HỘI HÓA VỀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KIẾN CỐ HÓA TRƯỜNG, LỚP HỌC, NHÀ CÔNG VỤ CHO GIÁO VIÊN GIAI ĐOẠN 2013 - 2023

1. Số lượng trường, lớp được đầu tư từ nguồn xã hội hóa giai đoạn 2013 – 2023:

- Số trường: 5 trường với quy mô 105 lớp;
- Số phòng học từ nguồn xã hội hóa: 14 phòng học;
- Tỷ lệ kiên cố hóa trường, lớp học tăng từ nguồn huy động xã hội hóa: 13,3%
- Số phòng công vụ cho giáo viên: 00 phòng.
- Tỷ lệ kiên cố hóa nhà công vụ cho giáo viên tăng từ nguồn huy động xã hội hóa: 00%.

2. Nhu cầu đầu tư: Thống kê danh mục hiện trạng và nhu cầu đầu tư phòng học, phòng công vụ cho giáo viên của các cơ sở giáo dục, theo thứ tự ưu tiên, tại các địa bàn khó khăn (*Chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm*).

3. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của địa phương: Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei chỉ đạo cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn: Tiếp tục huy động các nguồn lực nhằm bổ sung cơ sở vật chất và thiết bị dạy học cho các trường học; rà soát và bố trí quỹ đất cho các trường trên địa bàn đảm bảo theo quy định; rà soát, kịp thời giải quyết hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết các khó khăn, vướng mắc, đảm bảo hiệu quả, đúng quy định; đồng thời thực hiện hiệu quả công tác xã hội hóa tại địa phương.

4. Kinh nghiệm về mô hình, giải pháp huy động xã hội hóa:

4.1. Mô hình, giải pháp đã thực hiện: Nâng cao nhận thức của Nhân dân tạo được chuyển biến tích cực trong việc quan tâm xây dựng các tiêu chí về lĩnh vực giáo dục và đào tạo, góp phần thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục trên địa bàn.

4.2. Bài học kinh nghiệm:

- Rà soát các điều kiện đầu tư, các chính sách thuế, chính sách đất đai trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm các thủ tục không cần thiết, đơn giản hóa quy trình thủ tục cho nhà đầu tư.

- Tạo điều kiện thuận lợi về giấy phép lao động để khuyến khích các nhà trí thức, doanh nhân, doanh nghiệp Việt Nam và nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam và nước ngoài đóng góp công sức, trí tuệ và tài chính cho phát triển giáo dục và đào tạo.

- Tiếp tục huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu của cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế.

- Tuyên truyền sâu rộng về các chủ trương, chính sách về xã hội hóa để tất cả các đối tượng liên quan (*các cơ quan quản lý, nhà đầu tư, đơn vị công lập, ngoài công lập và toàn xã hội*) nhận thức đúng đắn, đầy đủ và thực hiện có hiệu quả chủ trương huy động các nguồn lực của xã hội cho giáo dục.

- Tiếp tục lồng ghép các nội dung tuyên truyền, động viên, khuyến khích người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài đầu tư, đóng góp, liên kết, tài trợ cho giáo dục trong các chương trình, hội nghị, sự kiện, hoạt động đối ngoại chính thức

và ngoại giao nhân dân.

- Chú trọng trong các hình thức ghi nhận, tôn vinh những cá nhân, tổ chức có đóng góp, tài trợ cho giáo dục, tuyên dương và phát động nhân rộng những gương điển hình đóng góp cho sự nghiệp giáo dục.

5. Đề xuất khen thưởng tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tiêu biểu

5.1. Các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đã thực hiện phong trào xã hội hóa tại địa phương: Thống kê tên tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đã thực hiện phong trào xã hội hóa tại địa phương: Chi tiết theo Phụ lục 3 đính kèm.

5.2. Đề xuất các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tiêu biểu trong phong trào xã hội hóa giáo dục: Không.

Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo biết, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (b/c);
- Thường trực Huyện ủy
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng Giáo dục & Đào tạo;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Y Thanh

DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP, CÁ NHÂN ĐẦU TƯ XÃ HỘI HÓA CHO GIÁO DỤC*(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /2024 của UBND huyện Đắk Glei)*

STT	Tên tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân	Thời gian thực hiện (năm)	Số phòng học đã đầu tư	Số phòng công vụ cho giáo viên đã đầu tư	Kinh phí đã thực hiện	Ghi chú
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>e</i>	<i>f</i>	<i>g</i>
	Tổng cộng		13		5149	
1	Công ty Cổ phần chứng khoán BIDV thành phố Hồ Chí Minh	2023	2	0	680	Trường MN Thị trấn
2	Tinh đoàn Kon Tum	2021	1	0	250	Trường PTDTBT TH&THCS xã Mường Hoong
3	Công ty TNHH Cargill Việt Nam	2023	3		1.200	Trường TH&THCS xã Xốp
4	Công ty TNHH Microtec Việt Nam	2.023	2	0	809	Trường MN xã Đắk Pék
5	Tổ chức Khăn Quàng Đỏ, Hà Nội	2.023	6	0	1.410	Trường TH Võ Thị Sáu